

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 10/2025/HSST

Ngày: 14/01/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Doãn Thị Lệ – Cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Thị Phi Khanh – Giáo viên trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 241/2024/TLST – HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Vũ B, T gọi khác: Không; Sinh ngày 18/11/2007 tại Bà Rịa Vũng Tàu;

Nơi thường trú: Q, Q, Quảng Bình và nơi ở hiện tại: 36C Khu T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1990; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Hoàng Vũ B bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 15/8/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Lê Nguyễn H1, T gọi khác: Không; Sinh ngày 08/11/2007 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Hẻm H T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bá N, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Lê Nguyễn H1 bị tạm giữ từ ngày 07/8/2024 đến ngày 16/8/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Nguyễn Tiến P, T gọi khác: Không; Sinh ngày 21/5/2006 tại Gia Lai;

Nơi thường trú: B T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai và nơi ở hiện tại: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang H2, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Hồng P1, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Nguyễn Tiến P bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 15/8/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Trần Minh T2, T gọi khác: Không; Sinh ngày 16/11/2006 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: G T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần T3 (Đã chết) và bà Trần Thị B2, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Trần Minh T2 bị tạm giữ từ ngày 06/8/2024 đến ngày 15/8/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Trần Thị H3, T gọi khác: Không; Sinh ngày 01/12/1977 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn C, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Triệu T4 (Đã chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1947; Bị cáo có chồng là Đặng Quang B3, sinh năm 1974 và có hai con sinh năm 1999 và 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị cáo Trần Thị H3 hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Vũ B, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2:* Bà Nguyễn Hoàng Kim L, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng Vũ B:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ: C Khu T, Tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người giám hộ cho bị cáo Hoàng Vũ B:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Đoàn phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Nguyễn H1:* Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số H T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Minh T2:* Bà Trần Thị B2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số G T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị Thu H4, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số A đường H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Lê Duy L1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số E đường P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông Đỗ Văn C1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số A đường N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Vũ B, Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 là bạn bè quen biết nhau. Do cần tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/2024 đến ngày 06/8/2024, B, P, T2 và H1 đã rủ nhau đến Nghĩa trang thành phố P, thuộc

Tổ G, phường I, thành phố P, cạy, phá các khung nhôm trên các ngôi mộ trong Nghĩa trang đem đến bán cho Trần Thị H3; mặc dù biết tài sản do B, P, H1 và T2 phạm tội mà có nhưng H3 vẫn tiêu thụ, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/7/2024, sau khi chơi ở quán Internet xong, Hoàng Vũ B nói với Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 đi đến Nghĩa trang T xem một số khung nhôm cửa kính ở các mộ có lấy được không, nếu được thì lấy bán lấy tiền tiêu xài, thì cả nhóm đồng ý. H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha S (không rõ đặc điểm cụ thể), không có biển số chữ B; T2 điều khiển xe mô tô không rõ nhãn hiệu (có đặc điểm giống xe Dream), không rõ biển số chữ P. Khi đi, cả nhóm đi tìm được 02 (hai) bao xác rắn màu xanh ở bãi rác bên đường làm bao để đựng khung nhôm và nhặt được một đoạn sắt dài khoảng 10 đến 15cm. Đến khu vực Nghĩa trang, cả nhóm để xe ở ngoài cổng Nghĩa trang rồi đi bộ vào. Sau đó, cả nhóm đi kiểm tra thấy những ngôi mộ này có thể tháo khung nhôm được nên B, P, H1 và T2 dùng cây sắt nhặt được thay nhau cạy, phá các khung nhôm trên các ngôi mộ, rồi bỏ các khung nhôm vào trong bao tải. Đến khoảng 04 giờ ngày 21/7/2024, cả nhóm cạy được khoảng 30 mộ rồi chở đến tiệm mua bán phế liệu ở số E đường T, Thôn C, xã D, thành phố P, do Trần Thị H3 là chủ bán cho H3. Lúc này, H3 kiểm tra rồi hỏi nguồn gốc số khung nhôm thì P nói cả nhóm đi nhặt được nên H3 không hỏi gì thêm và đồng ý mua và cân được 30kg, H3 đưa cho P số tiền 900.000 đồng, sau đó cả nhóm chia nhau mỗi người được 225.000 đồng. Qua định giá, xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 960.000 đồng

Lần thứ hai: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/7/2024, sau khi chơi Internet xong, Hoàng Vũ B nói Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 tiếp tục đến Nghĩa trang T để cạy lấy khung nhôm trên các ngôi mộ bán lấy tiền tiêu xài, thì tất cả đồng ý. Khi đi, H1 mang theo 02 (hai) dụng cụ móc lốp xe (làm bằng kim loại, có một đầu dẹt, dài khoảng 20cm), 01 tuốc nơ vít (dài khoảng 30cm), và 02 bao xác rắn. Sau đó H1 chở B, T2 chở P bằng các xe mô tô trên đến khu vực Nghĩa trang, cả nhóm để xe ở ngoài cổng Nghĩa trang rồi đi bộ vào. H1 dùng dụng cụ móc lốp xe trên để cạy khung, còn P, B và T2 lấy bỏ các khung nhôm vào trong bao tải. Đến khoảng 05 giờ sáng, cả nhóm đã cạy được 30 mộ (trọng lượng 30kg), sau đó, chở đến bán cho Trần Thị H3 ở số E đường T, Thôn C, xã D, thành phố P. H3 kiểm tra thấy các khung nhôm đều giống nhau và nhóm P mang đến bán vào lúc 04 - 05 giờ sáng, nên H3 biết đây là tài sản do B, P, H1 và T2 phạm tội mà có, nhưng vì hám lợi H3 vẫn đồng ý mua với giá 30.000 đồng/kg, với tổng số tiền là 900.000 đồng, số tiền này P chia đều mỗi người được 225.000 đồng. Qua định giá, xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 960.000 đồng

- Lần thứ ba: Vào khoảng 23 giờ ngày 22/7/2024, sau khi chơi Internet xong, Lê Nguyễn H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius đi một mình, còn Trần Minh T2 điều khiển xe giống xe Honda Dream chở Nguyễn Tiến P tiếp tục đến Nghĩa trang T để cạy lấy khung nhôm trên các ngôi mộ. Khi đi H1 mang theo móc lốp, tuốc nơ vít và bao tải. Đến khu vực Nghĩa trang, cả nhóm để xe ở ngoài cổng Nghĩa trang rồi đi bộ vào. H1 dùng dụng cụ móc lốp xe và tuốc nơ vít để cạy khung nhôm trên các ngôi mộ, còn P và T2 lấy các khung nhôm bỏ vào trong bao tải. Đến khoảng 04 giờ ngày 23/7/2024, H1, P và T2 cạy được 20 mộ (trọng lượng 20kg), sau đó P và đồng phạm mang đến bán cho Trần Thị H3 ở E đường T, Thôn C, xã D, thành phố P, H3 kiểm tra thấy các khung nhôm đều giống nhau, nên H3

biết đây là tài sản do P, H1 và T2 phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý mua với giá 30.000 đồng/kg, với tổng số tiền 600.000 đồng, số tiền này P chia đều mỗi người được 200.000 đồng. Qua định giá, xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 640.000 đồng

- Lần thứ tư: Vào khoảng 23 giờ ngày 23/7/2024, sau khi chơi Internet xong, Lê Nguyễn H1, Nguyễn Tiến P và Trần Minh T2 điều khiển xe mô tô trên, tiếp tục đi đến Nghĩa trang T cạy lấy các khung nhôm trên các ngôi mộ. Khi đi H1 mang theo dụng cụ móc lốp, tuốc nơ vít và bao tải. Đến khu vực Nghĩa trang, thì H1, T2 và P để xe ở ngoài cổng Nghĩa trang rồi đi bộ vào. H1 dùng dụng cụ móc lốp xe để cạy khung, còn P và T2 lấy các khung nhôm bỏ vào trong bao tải. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 24/7/2024, cả nhóm đã cạy được 20 mộ (trọng lượng 20kg), sau đó cả nhóm mang đến bán cho Trần Thị H3 ở E đường T, Thôn C, xã D, thành phố P, H3 kiểm tra thấy các khung nhôm đều giống như những lần trước đó, nên H3 biết đây là tài sản do P, H1 và T2 phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý mua với giá 30.000 đồng/kg, với tổng số tiền 600.000 đồng, số tiền này P chia đều mỗi người được 200.000 đồng. Qua định giá, xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 640.000 đồng

- Lần thứ năm: Vào khoảng 23 giờ ngày 03/8/2024, sau khi chơi Internet xong, Lê Nguyễn H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở Nguyễn Tiến P và mang theo 01 (một) dụng cụ móc lốp xe, 01 tuốc nơ vít và 01 bao tải đi đến Nghĩa trang T tiếp tục cạy, phá các khung nhôm trên các ngôi mộ để lấy khung nhôm. Khi đến khu vực Nghĩa trang, H1 và P để xe ở ngoài cổng Nghĩa trang rồi đi bộ vào. H1 dùng dụng cụ móc lốp xe để cạy khung nhôm, còn P lấy khung nhôm bỏ vào trong bao tải. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 04/8/2024, H1 và P cạy được 20 mộ (trọng lượng 20kg), sau đó, H1 chở P mang đến bán cho Trần Thị H3 ở E đường T, Thôn C, xã D, thành phố P, H3 kiểm tra thấy các khung nhôm đều giống nhau như những lần trước, nên H3 biết đây là tài sản do P và H1 phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý mua với giá 30.000 đồng/kg, với tổng số tiền 600.000 đồng, số tiền này P chia đều mỗi người được 300.000 đồng. Qua định giá, xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 640.000 đồng

- Lần thứ sáu: Vào khoảng 23 giờ ngày 05/8/2024, sau khi chơi Internet xong, Lê Nguyễn H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius chở Nguyễn Tiến P và mang theo 01 cây sắt móc lốp xe, bao tải và tuốc nơ vít đến Nghĩa trang T tiếp tục cạy, phá các khung nhôm trên các ngôi mộ. Đến khu vực Nghĩa trang, H1 và P để xe ở ngoài cổng Nghĩa trang rồi đi bộ vào. H1 dùng dụng cụ móc lốp xe để cạy khung nhôm trên các ngôi mộ, còn P nhặt các khung nhôm bỏ vào trong bao tải. Đến khoảng 03 giờ ngày 06/8/2024, khi H1 và P cạy được khoảng 15 ngôi mộ, thì P bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật là 15kg khung nhôm; còn H1 cầm theo móc lốp và tuốc nơ vít bỏ chạy thoát. Đến 04 giờ 30 và 06 giờ 40 phút cùng ngày, Trần Minh T2 và Hoàng Vũ B được Cơ quan điều tra mời lên làm việc, tại đây T2 và B đã đầu thú khai nhận toàn bộ nội dung nêu trên. Đến ngày 07/8/2024, Lê Nguyễn H1 đến Công an thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc nêu trên. Qua định giá, xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 480.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.544.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 254/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Hoàng Vũ B, Lê Nguyễn H1, Nguyễn Tiến P và Trần Minh T2, về tội: “*Xâm phạm mồ mả*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 Bộ luật Hình sự, bị cáo Trần Thị H3, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90, Điều 91, 98 và 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Vũ B, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Vũ B mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 07 tháng tù (đây là mức án $\frac{3}{4}$ đối với người đã thành niên)

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn H1, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nguyễn H1 mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 07 tháng tù (đây là mức án $\frac{3}{4}$ đối với người đã thành niên)

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến P, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến P mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh T2, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh T2 mức án từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm 03 tháng tù (đây là mức án $\frac{3}{4}$ đối với người đã thành niên).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị H3, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H3 mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung công 02 (hai) bao tải, bên trong đựng 12 thanh kim loại màu nâu, 02 (hai) thanh kim loại màu giả gỗ, 69 (sáu mươi chín) thanh kim loại màu vàng, 76 (bảy mươi sáu) thanh kim loại màu xám với nhiều kích cỡ dài ngắn khác nhau; 01 (một) xe mô tô có đặc điểm hình dạng giống xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không bửng, không dàn áo, không có biển số, xe của H1; 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 1 mét, rộng 0,035m có bám dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 50cm, rộng 0,035m có bám dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 50cm, rộng 2,7cm có bám dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 58,5cm, rộng 3,2cm có bám dính chất silicon và 600.000 đồng tiền Ngân hàng N1.

Về dân sự: Bị hại ông Lê Văn L2 không yêu cầu bồi thường thiệt hại, số tiền 4.000.000 đồng bị cáo H1 và T2 đã nộp khắc phục hậu quả ông yêu cầu sung quỹ nhà nước đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu này của ông Lê Văn L2.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo B, H1 và T2 là bà Nguyễn Hoàng Kim L: Thống nhất với quan điểm truy tố về tội danh và đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo B, H1 và T2. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội và cũng chưa nhận được sự quan tâm, giáo dục một cách đầy đủ của gia đình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo B không nói lời nói sau cùng. Các bị cáo H1, P, T2 và H3 biết hành vi của mình là sai trái và ăn năn hối cải. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận định giá tài sản số 145/KL – HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/2024 đến ngày 06/8/2024, Hoàng Vũ B, Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 đã nhiều lần dùng dụng cụ móc lốp xe, tuốc nơ vít đến các ngôi mộ trong khu vực Nghĩa trang thành phố P, thuộc Tổ G, phường I cạy, phá các khung nhôm trên các ngôi mộ để lấy khung nhôm mang đến bán cho Trần Thị H3 lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Đối với Trần Thị H3, mặc dù biết rõ tài sản do các bị cáo B, H1, Phát T5 mang đến bán là do phạm tội được mà có, nhưng vì hám lợi bị cáo H3 vẫn nhiều lần tiêu thụ 120kg khung nhôm, với tổng trị giá là 4.544.000 đồng; hưởng lợi số tiền 600.000 đồng.

Hành vi dùng cây sắt móc lốp, tuốc nơ vít cạy, phá các khung nhôm trên các ngôi mộ để chiếm đoạt, do các bị cáo Hoàng Vũ B, Lê Nguyễn H1, Nguyễn Tiến P và Trần Minh T2 thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các tài sản, đồ vật trên các ngôi mộ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm phong tục tập quán của dân tộc ta đối với mồ mả của người đã chết, đã phạm vào tội: “Xâm phạm mồ mả”. Hành vi nhiều lần cạy, phá các ngôi mộ đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố P; do đó hành vi của các bị cáo B, H1, P và T2 đã phạm vào tình tiết định khung tăng

nặng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 của Bộ luật Hình sự. Hành vi biết rõ tài sản mà các bị cáo Hoàng Vũ B, Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 mang đến bán là do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ do Trần Thị H3 thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đã phạm vào tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Hoàng Vũ B, Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 về tội “Xâm phạm mồ mã” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị H3 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vai trò của các bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt

Các bị cáo H1, P1, T2 và H3 đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo B có nhân thân xấu năm 2022 đã bị Công an phường T và Công an phường I xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Tại thời điểm thực hiện tội phạm các bị cáo B, T2 và H1 là người dưới 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90 và Điều 91 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo đều có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 và T2 đã khắc phục một phần hậu quả xảy ra nên bị cáo H1 và T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo B, H1, T2 và H3 sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo T2 có ông ngoại được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; trong đó, bị cáo Hoàng Vũ B là người khởi xướng và cùng các bị cáo Nguyễn Tiến P, Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ mức độ tham gia vào tội phạm để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo. Bị cáo B tuy 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng là người khởi xướng việc phạm tội, bị cáo Nguyễn Tiến P và Lê Nguyễn H1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực đã thực hiện 6 lần hành vi phạm tội, nên hình phạt của các bị cáo ngang nhau, bị cáo Trần Minh T2 tham gia thực hiện 2 lần hành vi phạm tội nên hình phạt của bị cáo T2 thấp hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[5] Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 319 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu

tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Văn C1 (sinh năm 1959, HKTT A N, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thân nhân của phần mộ bà Nguyễn Thị M); bà Trần Thị Thu H4 (sinh năm 1962, HKTT: A H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thân nhân của phần mộ Phạm Thế D1) không có yêu cầu gì về dân sự. Ông Lê Duy L1 (sinh năm 1959, HKTT: 55 P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thân nhân của phần mộ Lê Quốc T6, Đoàn Thị T7) yêu cầu bồi thường số tiền 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) mà gia đình ông L1 chi phí tu sửa phần mộ bị cây phá. Đối với các phần mộ còn lại, Cơ quan CSĐT Công an thành phố P đã thông báo cho thân nhân của các phần mộ này đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố P để làm việc yêu cầu về phần bồi thường dân sự, nhưng thân nhân các phần mộ trên không đến. Do đó, không có cơ sở buộc các bị cáo phải bồi thường khắc phục hậu quả đối các phần mộ này. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo Lê Nguyễn H1 và Trần Minh T2 đã tác động gia đình mỗi bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 10/01/2025 bị hại ông Lê Duy L1 không có yêu cầu về bồi thường dân sự, số tiền 4.000.000 đồng gia đình các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả ông đề nghị sung công quỹ nhà nước. Tại phiên toà bị cáo đại diện hợp pháp của bị cáo H1 và T2 đồng ý với yêu cầu của ông Lê Văn L2 về việc sung quỹ nhà nước số tiền 4.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông L2 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (hai) bao tải, bên trong đựng 12 thanh kim loại màu nâu, 02 (hai) thanh kim loại màu giả gỗ, 69 (sáu mươi chín) thanh kim loại màu vàng, 76 (bảy mươi sáu) thanh kim loại màu xám với nhiều kích cỡ dài ngắn khác nhau; 01 (một) xe mô tô có đặc điểm hình dạng giống xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không bửng, không dàn áo, không có biển số, xe của H1; 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 1 mét, rộng 0,035m có bảm dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 50cm, rộng 0,035m có bảm dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 50cm, rộng 2,7cm có bảm dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 58,5cm, rộng 3,2cm có bảm dính chất silicon và 600.000 đồng tiền Ngân hàng N1 là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung công.

Đối với số khung nhôm Trần Thị H3 thu mua của Nguyễn Tiến P, cùng đồng phạm vào các ngày từ ngày 21/7/2024 đến ngày 24/7/2024: Sau khi thu mua, có nhiều khách vắng lai đến mua lại với giá 35.000 đồng/1kg, nên H3 đã bán hết số khung nhôm. Đối với cây sắt móc lốp, tước nơ vít mà Nguyễn Tiến P cùng đồng phạm dùng để thực hiện hành vi phạm tội trong khi bị Công an phát hiện bắt quả tang thì Lê Nguyễn H1 đã cầm bỏ chạy và làm rơi mất không biết ở đâu; 01 đoạn sắt dài khoảng 10-15cm sau khi thực hiện hành vi phạm tội P đã làm rơi mất không xác định được ở đâu. Đối với xe mô tô có đặc điểm giống xe mô to Honda Dream do Trần Minh T2 sử dụng. Sau khi cùng đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, do không có tiền tiêu xài, nên T2 đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đi đường,

không xác định được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với ông Đặng Quang B3 là chồng của Trần Thị H3. Qua điều tra, xác định khi H3 mua khung nhôm của các bị cáo B, P, H1 và T2 thì H3 nhờ ông B3 bung bê và cân giùm, ông B3 không biết các khung nhôm là do B, P, H1 và T2 phạm tội mà có. Mặt khác H3 cũng không nói cho ông B3 biết về nguồn gốc số khung nhôm như nào. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét xử lý hình sự đối với ông B3 đồng phạm với H3 là đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Vũ B, Lê Nguyễn H1, Nguyễn Tiến P, Trần Minh T2 phạm tội “Xâm phạm mồ mả”.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H3 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90, Điều 91, 98 và 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Vũ B, xử phạt bị cáo Hoàng Vũ B 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 06/8/2024.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Nguyễn H1 xử phạt bị cáo Lê Nguyễn H1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 07/8/2024.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến P, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến P 3 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 06/8/2024.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 319; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh T2, xử phạt bị cáo Trần Minh T2 01 (Một) năm 10 (M) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 06/8/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị H3, xử phạt bị cáo Trần Thị H3 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử: Tịch thu sung công: 02 (hai) bao tải, bên trong đựng 12 thanh kim loại màu nâu, 02 (hai) thanh kim loại màu giả gỗ, 69 (sáu mươi chín) thanh kim loại màu vàng, 76 (bảy mươi sáu) thanh kim loại màu xám với nhiều kích cỡ dài ngắn khác nhau (cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) xe mô tô có đặc điểm hình dạng giống xe

mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, không bửng, không dàn áo, không có biển số (xe tự lắp ghép, không có số khung, không có số máy, xe cũ nát đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra gì thêm); 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 1 mét, rộng 0,035m có bám dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 50cm, rộng 0,035m có bám dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 50cm, rộng 2,7cm có bám dính chất silicon, 01 khung kim loại màu vàng đồng, kích thước dài 58,5cm, rộng 3,2cm có bám dính chất silicon; Tiền Ngân hàng N1 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Hoàng Vũ B, Lê Nguyễn H1, Nguyễn Tiến P, Trần Minh T2 và Trần Thị H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Lệ Nguyễn Thị Phi Khanh Nguyễn Thị Hồng T8

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

